

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 271/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Khoá XI - Kỳ họp thứ 3 về việc thông qua Đề án xây dựng xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 438/TTr-SYT ngày 08/11/2011 về việc phê duyệt Đề án xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, với các nội dung chính như sau:

A. Mục tiêu:

I. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ y tế; chủ động phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh lưu hành tại địa phương; triển khai có hiệu quả các chương trình y tế Quốc gia nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2015.

II. Mục tiêu cụ thể:

Đến năm 2015 có 70% xã (phường, thị trấn) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

III. Chỉ tiêu cụ thể theo từng tiêu chí đến năm 2015:

Tiêu chí	Nội dung	Số xã đạt các tiêu chí quốc gia về y tế			
		Năm 2010		Năm 2015	
		Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)
I	Chỉ đạo điều hành công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân	165	90	175	95
II	Nhân lực y tế	177	96	175	95
III	Cơ sở hạ tầng trạm y tế xã	104	57	166	90
IV	Trang thiết bị, thuốc và phương tiện khác	104	57	147	80
V	Kế hoạch - Tài chính	179	97	180	98
VI	Y tế dự phòng, Vệ sinh môi trường và các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế	172	93	175	95
VII	Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và Y học Cổ truyền	83	45	147	80
VIII	Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ - trẻ em	165	90	180	98
IX	Dân số - Kế hoạch hoá gia đình	165	90	180	98
X	Truyền thông - Giáo dục sức khoẻ	165	90	180	98
tế	Tổng số xã đạt tiêu chí quốc gia về y	78	42	129	70

B. Về đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị:

I. Tiêu chuẩn áp dụng đầu tư:

1. Cơ sở vật chất:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT ngày 17/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế v/v ban hành Tiêu chuẩn thiết kế Trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành, Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 và Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

2. Trang thiết bị:

Thực hiện theo quy định tại Tiêu chí 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ trưởng Y tế và Danh mục kèm theo Quyết định 1020/QĐ-BYT ngày 22/3/2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế v/v ban hành sửa đổi danh mục trang thiết bị y tế trạm y tế xã có bác sĩ vào danh mục trang thiết bị y tế bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và túi y tế thôn, bản ban hành kèm theo Quyết định số 437/QĐ-BYT ngày 20/2/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

II. Nội dung đầu tư:

1. Cơ sở vật chất:**a) Qui mô và cấp công trình:**

- Xây dựng mới:

Tổng thể công trình bao gồm:

- + Khối nhà chính, công trình phụ trợ.
- + Sân phơi, vườn mẫu trồng cây thuốc.
- + Cây xanh bóng mát chiếm trên 30% diện tích khu đất.
- + Có hàng rào bảo vệ, có cổng và biển tên trạm.

- Yêu cầu về quỹ đất, qui mô và cấp công trình của một trạm y tế:

- + Diện tích đất: Từ 1.000 – 1.500m² trở lên đối với khu vực nông thôn; từ 350 – 700m² trở lên đối với khu vực thành phố, thị trấn.
- + Diện tích sàn xây dựng: ≥ 300 m²; trong đó công trình chính: ≥ 250 m², công trình phụ trợ: ≥ 50 m².
- + Cấp công trình: Xây dựng kiên cố, nhà 1-2 tầng.
- + Khối nhà chính: Khu vực nông thôn có ít nhất 10 phòng chức năng; khu vực thành thị hoặc trạm y tế ở gần bệnh viện có ít nhất 6 phòng chức năng trong số các phòng sau: Phòng khám bệnh, Y học cổ truyền, Quầy dược, kho, phòng xét nghiệm, phòng tiệt trùng; phòng sơ cứu, cấp cứu; phòng lưu bệnh nhân, sản phụ; phòng khám phụ khoa, KHHGD; phòng đẻ; phòng tiêm; phòng tư vấn, TT-GDSK, DS-KHHGD; phòng hành chính; phòng trực.
- + Khối phụ trợ bao gồm: nhà bếp, nhà kho, bể nước, nhà vệ sinh và nhà để xe, khu xử lý chất thải y tế (Khu vệ sinh có thể để trong khối nhà chính hoặc khối phụ trợ).
- + Tổng số trạm y tế xây dựng mới: 80 trạm (Phụ lục 1).

b) Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và duy tu, bảo dưỡng (gọi chung là nâng cấp):

- + Tùy theo hiện trạng từng Trạm y tế xã sẽ quyết định nâng cấp, mở rộng các hạng mục: công trình chính, công trình phụ, tường rào-cổng ngõ, sân vườn, đường nội bộ, quét vôi, sơn cửa... để đảm bảo đạt tiêu chí quốc gia.
- + Tổng số trạm y tế nâng cấp: 104 trạm (Phụ lục 2).

2. Trang thiết bị:

100% trạm y tế xây dựng mới hoặc nâng cấp được đầu tư mua sắm trang thiết bị mới, đồng bộ trên cơ sở năng lực chuyên môn cán bộ y tế và phù hợp với mô hình bệnh tật của từng địa phương.

III. Nhu cầu về quỹ đất, tài chính:**1. Nhu cầu quỹ đất:**

Tổng nhu cầu diện tích quỹ đất: 213.236 m². Trong đó, diện tích quỹ đất hiện có 190.979 m², diện tích quỹ đất cần tăng thêm 22.257 m².

2. Nhu cầu tài chính:

- Tổng mức đầu tư: 245.037 triệu đồng (Hai trăm bốn mươi lăm tỷ không trăm ba mươi bảy triệu đồng) và sẽ chuẩn xác trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư.
- Nguồn ngân sách đầu tư: Ngân sách Trung ương, tỉnh, kết dư bảo hiểm y tế và các nguồn vốn hợp pháp khác.

C. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

I. Các nhiệm vụ chủ yếu:

1. Về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và công tác truyền thông giáo dục sức khỏe:

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp chính quyền địa phương đối với công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân; hàng năm đưa chỉ tiêu xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế vào nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Đảm bảo 100% cán bộ trạm y tế và nhân viên y tế thôn được bồi dưỡng kiến thức và có kỹ năng cơ bản về truyền thông - giáo dục sức khỏe.

2. Về khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Từng bước nâng cao về số lượng bệnh nhân được chẩn đoán, điều trị hợp lý và số lần khám chữa bệnh tại trạm y tế, hộ gia đình; tăng cường ứng dụng khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

- Có quầy thuốc thiết yếu tại trạm y tế với đủ cơ số thuốc cấp cứu thông thường trên địa bàn, thuốc được bảo quản theo yêu cầu ghi trên nhãn thuốc, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

3. Về công tác y tế dự phòng.

Phát hiện sớm và báo cáo kịp thời các bệnh truyền nhiễm gây dịch theo quy định của Bộ Y tế, tăng cường giám sát chặt chẽ các bệnh dịch nguy hiểm, có biện pháp đề phòng và không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn.

Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu được giao hàng năm của các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành y tế.

4. Về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Trạm y tế xã phải được xây dựng theo "Tiêu chuẩn ngành" do Bộ Y tế ban hành. Đảm bảo trang thiết bị đối với trạm y tế theo quy định, cung ứng đầy đủ, kịp thời số lượng thuốc, vật tư y tế tiêu hao thiết yếu cho trạm y tế theo danh mục quy định của Bộ Y tế. Bố trí vị trí diện tích đất để đảm bảo điều kiện về xây dựng trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia.

- Xây dựng mới 80 Trạm y tế; nâng cấp, cải tạo, mở rộng và duy tu, bảo dưỡng 104 Trạm y tế để đảm bảo tiêu chí quốc gia.

- 100% trạm y tế xây dựng mới hoặc nâng cấp được đầu tư mua sắm trang thiết bị mới, đồng bộ trên cơ sở năng lực chuyên môn của cán bộ y tế và phù hợp với mô hình bệnh tật của từng địa phương.

5. Đảm bảo nguồn nhân lực và các chế độ chính sách đối với cán bộ y tế cơ sở.

Đảm bảo các trạm y tế có đủ số lượng y, bác sỹ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. 100% thôn có nhân viên y tế được đào tạo chuyên môn theo tài liệu của Bộ Y tế ban hành và thường xuyên hoạt động; thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách đối với cán bộ y tế cơ sở do Nhà nước ban hành.

II. Các giải pháp chủ yếu:

1. Giải pháp về tổ chức chỉ đạo, điều hành:

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án Đầu tư xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2015 cấp tỉnh và cấp huyện, thành phố để tập trung chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án có hiệu quả, đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

2. Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của y tế xã.

- Củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của Ban Chỉ đạo chăm sóc sức khỏe ban đầu ở cơ sở. Các ngành, các cấp triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngành y tế; tăng cường các hoạt động phòng, chống các bệnh lây nhiễm; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; công tác y tế học đường.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đặc biệt chú trọng đối tượng người nghèo, gia đình chính sách, đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, đảm bảo công bằng và hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe, đồng thời giảm tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến trên.

- Phối hợp với Hội đồng y huyện, thành phố để hướng dẫn các trạm y tế trồng đủ số lượng cây thuốc Nam (mẫu) theo đúng danh mục Bộ Y tế; tiếp tục đào tạo, bổ sung cán bộ y tế xã về chuyên khoa y học cổ truyền.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ y tế và nhân viên y tế thôn về kiến thức chuyên môn và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe; xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền phù hợp với phong tục tập quán của từng địa phương để nâng cao nhận thức của người dân về các kiến thức cơ bản nhằm thực hành chăm sóc sức khỏe thiết yếu tại gia đình, cộng đồng.

4. Giải pháp về chế độ, chính sách đối với cán bộ y tế xã.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước đối với cán bộ y tế công tác tại trạm y tế. Đồng thời, có chính sách thu hút, đãi ngộ cán bộ, đặc biệt là bác sỹ về công tác tại các trạm y tế vùng sâu, vùng xa.

- Có kế hoạch luân phiên cử bác sỹ tuyến xã về bệnh viện huyện làm việc, học tập, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tiếp tục chuẩn hoá và tăng cường đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho cán bộ y tế xã; đối với các huyện miền núi ưu tiên đào tạo cán bộ y tế là người dân tộc thiểu số.

Tuyển dụng, phân bổ cán bộ phù hợp theo từng vùng và theo mô hình bệnh tật để nâng cao hiệu quả và chất lượng các dịch vụ y tế. Đào tạo bồi dưỡng cho 561 cán bộ y tế xã thông qua các loại hình: Bác sỹ chuyên tu, bổ túc chuyên khoa y học cổ truyền, công tác được, quản lý nhà nước, quản lý y tế...

5. Tăng cường quản lý nhà nước về y tế:

- Tăng cường kiểm tra, giám sát về công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân ở địa phương, các hoạt động chuyên môn và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các trạm y tế.

- Tăng cường giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế cơ sở, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh.

6. Giải pháp về đảm bảo quỹ đất xây dựng trạm y tế:

Tổ chức rà soát, đo đạc lại hiện trạng quỹ đất hiện có của các trạm y tế trên toàn địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, quy hoạch quỹ đất đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, mở rộng trạm y tế xã đảm bảo diện tích quỹ đất theo tiêu chí quốc gia; hoàn thành việc cấp quyền sử dụng đất cho các trạm y tế theo đúng quy định hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

7. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

- Huy động tổng hợp nguồn lực của Nhà nước từ Trung ương đến địa phương; vốn viện trợ của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ; tài trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân để tập trung đầu tư xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- Phân cấp quản lý đầu tư:

+ UBND huyện, thành phố làm chủ đầu tư đối với các trạm y tế đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư nâng cấp từ các nguồn ngân sách UBND huyện, thành phố; nguồn Chương trình: 30a, Bãi ngang ven biển, Xây dựng nông thôn mới và các nguồn tài trợ, viện trợ khác do UBND huyện, thành phố kêu gọi, huy động.

+ Sở Y tế làm chủ đầu tư đối với các trạm y tế đầu tư xây dựng mới hoặc đầu tư nâng cấp từ nguồn ngân sách sự nghiệp y tế, Quỹ Bảo hiểm y tế và các nguồn vốn hợp pháp khác viện trợ cho Sở Y tế.

- Hàng năm, Sở Y tế có trách nhiệm tham mưu cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trình UBND tỉnh phân bổ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia trên địa bàn toàn tỉnh theo chỉ tiêu, số lượng phân kỳ đầu tư của Đề án được phê duyệt.

- Hàng năm, Ban Chỉ đạo các Chương trình: 30a, Bãi ngang ven biển, Xây dựng nông thôn mới từ tỉnh đến huyện, thành phố có trách nhiệm đưa chỉ tiêu xây dựng trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia vào kế hoạch, bố trí đảm bảo nguồn kinh phí và chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện.

D. Tổ chức thực hiện:

I. Sở Y tế:

- Là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức đôn đốc thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình triển khai Đề án cho Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố xây dựng và triển khai kế hoạch xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế với mục tiêu đến năm 2015 có ít nhất 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

II. Các sở, ban, ngành:

Tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; các sở, ban, ngành tích cực phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện Đề án đạt hiệu quả.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch quỹ đất dành để xây dựng trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia về diện tích; giải quyết các khâu vướng mắc và hướng dẫn thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các trạm y tế; hướng dẫn thủ tục về công tác bảo vệ môi trường (thủ tục, hồ sơ đăng ký chủ nguồn chất thải y tế nguy hại, cấp phép vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại...).

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát và thanh-kiểm tra việc sử dụng quỹ đất; thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường.

2. Sở Xây dựng:

Thực hiện công tác giám sát, quản lý đầu tư xây dựng các công trình y tế đảm bảo chất lượng và đúng quy định của nhà nước.

3. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế và UBND các huyện, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh bố trí và đảm bảo nguồn vốn theo kế hoạch và tiến độ thực hiện Đề án hàng năm. Hướng dẫn việc sử dụng, quản lý và thanh, quyết toán nguồn vốn đầu tư theo đúng quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế và UBND các huyện, thành phố lập kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, trình UBND tỉnh cân đối, bố trí đảm bảo nguồn vốn đầu tư xây dựng trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Lao động -Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn Chương trình Bãi ngang ven biển, Chương trình 30a để xây dựng trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia tại các vùng triển khai chương trình/dự án.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn Chương trình Xây dựng nông thôn mới để xây dựng trạm y tế đạt tiêu chí quốc gia tại các vùng triển khai chương trình/dự án.

7. Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ngãi, trong đó bao gồm nội dung phát triển nguồn nhân lực y tế xã.

III. UBND các huyện, thành phố:

- Trên cơ sở Đề án đầu tư xây dựng các xã của tỉnh Quảng Ngãi đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2015, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện.

- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các sở, ban ngành của tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn quản lý.

- Định kỳ, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh.

Điều 2: Căn cứ Quyết định này, Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn, đảm bảo đúng tiến độ, đúng mục tiêu và theo đúng kế hoạch.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

**Phụ lục 1. DANH MỤC TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN XÂY DỰNG MỚI
GIAI ĐOẠN 2011-2015**

(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TT theo Huyện	Tên huyện, thành phố Trạm Y tế xã	Năm đầu tư				
			2011	2012	2013	2014	2015
		Tổng cộng	14	18	22	17	9
	I	Ba Tư	4	1	4	6	3
1	1	Ba Ngạc			x		
2	2	Ba Vì				x	
3	3	Ba Xa	x				
4	4	Ba Dinh				x	
5	5	Ba Chùa			x		
6	6	Thị Trấn					x
7	7	Ba Lế			x		
8	8	Ba Bích				x	
9	9	Ba Điền					x
10	10	Ba Vinh			x		
11	11	Ba Thành				x	
12	12	Ba Tiêu	x				
13	13	Ba Tô	x				
14	14	Ba Cung	x				
15	15	Ba Động					x
16	16	Ba Liên				x	
17	17	Ba Khâm				x	
18	18	Ba Trang		x			
	II	Trà Bồng	0	0	2	3	3
19	1	Trà Sơn				x	
20	2	Trà Giang				x	
21	3	Trà Hiệp			x		
22	4	Trà Xuân					x
23	5	Trà Bình				x	
24	6	Trà Bùi					x
25	7	Trà Tân			x		
26	8	Trà Thủy					x
	III	Tây Trà	0	1	2	2	3
27	1	Trà Phong					x
28	2	Trà Xinh					x
29	3	Trà Thọ					x
30	4	Trà Khê			x		
31	5	Trà Quân			x		

TT	TT theo Huyện	Tên huyện, thành phố Trạm Y tế xã	Năm đầu tư				
			2011	2012	2013	2014	2015
32	6	Trà Trung				x	
33	7	Trà Lãnh			x		
34	8	Trà Nham				x	
	IV	Sơn Hà	1	1	2	2	0
35	1	Sơn Giang			x		
36	2	Sơn Cao				x	
37	3	Sơn Hạ		x			
38	4	Sơn Thành	x				
39	5	TT Di Lăng				x	
40	6	Sơn Nham			x		
	V	Minh Long	0	2	2	0	0
41	1	Long Hiệp		x			
42	2	Long Môn			x		
43	3	Long Mai			x		
44	4	Tanh An		x			
	VI	Sơn Tây	4	1	2	0	0
45	1	Sơn Dung			x		
46	2	Sơn Lập			x		
47	3	Sơn Tân	x				
48	4	Sơn Bua		x			
49	5	Sơn Liên	x				
50	6	Sơn Mùa	x				
51	7	Sơn Long	x				
	VII	Lý Sơn	1	2	0	0	0
52	1	An Bình	x				
53	2	An Hải		x			
54	3	An Vĩnh		x			
	VIII	Bình Sơn	2	1	0	2	0
55	1	Bình Mỹ	x				
56	2	Bình Hải		x			
57	3	Bình Tân		x			
58	4	Bình Thới				x	
59	5	Bình Thuận				x	
	IX	Tur Nghĩa	0	2	1	0	0
60	1	Nghĩa Sơn		x			
61	2	Nghĩa Thọ		x			
62	3	Nghĩa Thương			x		
	X	Nghĩa Hành	0	2	2	0	0
63	1	TT Chợ Chùa			x		

TT	TT theo Huyện	Tên huyện, thành phố Trạm Y tế xã	Năm đầu tư				
			2011	2012	2013	2014	2015
64	2	Hành Phước			x		
65	3	Hành Dũng		x			
66	4	Hành Trung		x			
	XI	T.P Quảng Ngãi	0	0	1	0	0
67	1	Nguyễn Nghiêm			x		
	XII	Sơn Tịnh	1	2	2	0	0
68	1	Tịnh Sơn		x			
69	2	Tịnh Thọ		x			
70	3	Tịnh Á Đông			x		
71	4	Tịnh An			x		
72	5	Tịnh Long	x				
	XIII	Mộ Đức	1	1	0	1	0
73	1	Thị trấn Mộ Đức		x			
74	2	Đức Phú	x				
75	3	Đức Hiệp				x	
	XIV	Đức Phổ	0	2	2	1	0
76	1	Phổ Thạnh				x	
77	2	Phổ Vinh			x		
78	3	Phổ Nhơn		x			
79	4	Phổ Thuận			x		
80	5	Phổ Phong		x			

Phụ lục 2. DANH MỤC TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN DỰ KIẾN NÂNG CẤP GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

T T	TT theo huyện	Tên huyện, thành phố Trạm Y tế	GHI CHÚ	Năm đầu tư				
				201 1	201 2	201 3	201 4	201 5
		Tổng cộng		0	32	31	23	18
1	I	Ba Tư		0	1	1	0	0
2	1	Ba Nam	Mua sắm TTBYT			x		
	2	Ba Giang	Mua sắm TTBYT		x			
	II	Trà Bồng		0	1	0	0	1
3	1	Trà Lâm	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
4	2	Trà Phú	Mua sắm TTBYT					X
	III	Tây Trà		0	1	0	0	0
5	1	Trà Thanh	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
	IV	Sơn Hà		0	3	2	2	1
6	1	Sơn Thủy	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
7	2	Sơn Ba	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
8	3	Sơn Kỳ	Mua sắm TTBYT				x	
9	4	Sơn Thượng	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
10	5	Sơn Bao	Mua sắm TTBYT			x		
11	6	Sơn Linh	Mua sắm TTBYT					x
12	7	Sơn Trung	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT			x		
13	8	Sơn Hải	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT				x	
	V	Minh Long		0	1	0	0	0
14	1	Long Sơn	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
	VI	Sơn Tây		0	2	0	0	0

15	1	Sơn Tinh	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
16	2	Sơn Mùa	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
	VII	Bình Sơn		0	7	5	4	4
17	1	Bình An	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT			x		
18	2	Bình Chánh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					X
19	3	Bình Châu	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT					x
20	4	Bình Chương	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
21	5	Bình Dương				x		
22	6	Bình Đông	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT			x		
23	7	Bình Nguyên	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
24	8	Bình Minh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
25	9	Bình Hải			x			
26	10	Bình Hòa	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
27	11	Bình Hiệp	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
28	12	Bình Khương	Mua sắm TTBYT		x			
29	13	Bình Long	Mua sắm TTBYT		x			
30	14	Bình Phú	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
31	15	Bình Thanh Đông	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
32	16	Bình Thanh Tây	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT			x		
33	17	Bình Thạnh	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT				x	

34	18	Bình Trị	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
35	19	Bình Trung	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					X
36	20	Thị trấn Châu Ô	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT					X
	VIII	Tư Nghĩa		0	6	2	4	3
37	1	Nghĩa Lâm	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
38	2	Nghĩa Thắng	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					X
39	3	Nghĩa Thuận	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
40	4	Nghĩa Kỳ	Mua sắm TTBYT		x			
41	5	Nghĩa Điền	Mua sắm TTBYT		x			
42	6	Nghĩa Trung	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
43	7	Thị trấn La Hà	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
44	8	Nghĩa Phương	Mua sắm TTBYT				x	
45	9	Thị trấn Sông Vệ	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
46	10	Nghĩa Hiệp	Tường rào, công ngõ+mua sắm TTBYT		x			
47	11	Nghĩa Hòa			x			
48	12	Nghĩa Hà			x			
49	13	Nghĩa An			x			
50	14	Nghĩa Mỹ	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
51	15	Nghĩa Phú	Mua sắm TTBYT				x	
	IX	Nghĩa Hành		0	3	2	2	1
52	1	Hành Minh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
53	2	Hành Thuận	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
54	3	Hành Nhân	Mua sắm TTBYT		x			
55	4	Hành Thiện	Mua sắm TTBYT					x
56	5	Hành Tín Đông	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
57	6	Hành Tín Tây	Nâng cấp, mở rộng,		x			

			mua sắm TTBYT					
58	7	Hành Thịnh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
59	8	Hành Đức	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
	X	TP Quảng Ngãi		0	2	6	1	0
60	1	Quảng Phú	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
61	2	Lê Hồng Phong	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
62	3	Trần Hưng Đạo				x		
63	4	Nghĩa Lộ				x		
64	5	Trần Phú	Mua sắm TTBYT		x			
65	6	Nghĩa Đông				x		
66	7	Chánh Lộ				x		
67	8	Nghĩa Chánh				x		
68	9	Nghĩa Dũng	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
	XI	Sơn Tịnh		0	3	6	4	3
69	1	Tịnh Giang	Tường rào, công ngõ, mua sắm TTBYT			x		
70	2	Tịnh Đông	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
71	3	Tịnh Minh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
72	4	Tịnh Bắc	Mua sắm TTBYT			x		
73	5	Tịnh Hiệp	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
74	6	Tịnh Trà	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
75	7	Tịnh Bình	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
76	8	Tịnh Hà	Tường rào, công ngõ, mua sắm TTBYT				x	
77	9	Tịnh Phong	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
78	1011	Tịnh Ân Tây	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
79	12	Thị trấn Sơn	Mua sắm TTBYT		x			

		Tỉnh						
80	13	Tỉnh Châu	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
81	14	Tỉnh Thiện	Tường rào, công ngõ, mua sắm TTBYT				x	
82	15	Tỉnh Khê	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
83	16	Tỉnh Kỳ	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
84	17	Tỉnh Hòa	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
	XII	Mộ Đức		0	2	4	3	1
85	1	Đức Thuận	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
86	2	Đức Thắng	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
87	3	Đức Minh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
88	4	Đức Thạnh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
89	5	Đức Tân				x		
90	6	Đức Phong				x		
91	7	Đức Hòa	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT		x			
92	8	Đức Lợi	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
93	9	Đức Chánh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
94	10	Đức Lân	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
	XIII	Đức Phổ		0	0	3	3	4
95	1	BX Đặng Thùy Trâm	Mua sắm TTBYT					x
96	2	Phổ Minh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
97	3	Phổ Châu	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
98	4	Phổ An	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
99	5	Phổ Quang	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT			x		
10	6	Thị trấn Đức	Nâng cấp, mở rộng,					x

0		Phở	mua sắm TTBYT					
10 1	7	Phở Khánh	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT					x
10 2	8	Phở Hòa	Nâng cấp, mở rộng, mua sắm TTBYT				x	
10 3	91	Phở Ninh	Mua sắm TTBYT				x	
10 4	10	Phở Văn	Mua sắm TTBYT				x	